| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẠI TỪ**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Số: 109/2021/QĐST-HNGĐ | *Đại Từ, ngày 06 tháng 7 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 158/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa:

***Nguyên đơn:*** **Trần Thị T, sinh năm 1994**

***Bị đơn:*** **Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1987**

Đều trú tại: Xóm M, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh Đ.

**2**. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về quan hệ vợ chồng***: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

***Về con chung:*** Chị T được quyền trực tiếp nuôi cả ba con chung Nguyễn Đức N sinh ngày 08/10/2013, Nguyễn Thu H sinh ngày 02/10/2019 và Nguyễn Thu H sinh ngày 02/10/2019 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có

sự thay đổi khác. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

***Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con***: Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị T 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng) cho mỗi con, ba con bằng 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng) cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.*

***Về tài sản chung***: Các bên đương sự tự thỏa thuận, không tranh chấp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Nợ chung***: Không có.

***Về công sức đóng góp***: Không có.

***Về án phí***: Chị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ - BL số 0013853 ngày 22/6/2021.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Cù Vân;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN DUY KHÁNH**